

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Thanh L

Bà Trần Thị Hoàng D

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T.

Địa chỉ cư trú: ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé N.

Địa chỉ cư trú: khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Quốc T trình bày: Ông Phạm Quốc T và bà Phạm Thị Bé N kết hôn vào năm 2009, đã tiến hành đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh

phúc, nhưng từ đầu năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống khó khăn, bà Nguyễn không đồng ý sống bên nhà chồng và bỏ về nhà cha, mẹ ruột ở thành phố Vị Thanh và vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa, nên ông Tường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn, yêu cầu giao 02 con chung cho bà Nguyễn nuôi dưỡng, ông Tường không đồng ý cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, về tài sản chung yêu cầu tự thỏa thuận, về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2017 và tại phiên tòa bà Phạm Thị Bé N trình bày: việc ông Tường trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, theo bà Nguyễn thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Tường lúc uống rượu có dùng vũ lực đối với bà, đồng thời do sống bên nhà chồng rất khó khăn nên bà đề nghị ông Tường về thành phố Vị Thanh sống nhưng ông Tường không đồng ý, nên bà Nguyễn mới dẫn 02 con chung về thành phố Vị Thanh. Bà Nguyễn cũng xác định hiện tại không còn yêu thương ông Tường nữa và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Tường, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông Tường có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, với mức cấp dưỡng 655.000 đồng/01 con chung/tháng, cấp định kỳ hàng tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Quốc T và bà Phạm Thị Bé N thuận tình ly hôn.

- Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Bé N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Quốc Tiến, sinh ngày 26/5/2010 và Phạm Quốc Đạt, sinh ngày 03/01/2014.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được: Bà Phạm Thị Bé N yêu cầu ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, với mức cấp dưỡng 655.000 đồng/01 con chung/tháng, cấp định kỳ hàng tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, ông Tường không đồng ý cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Bé N và yêu cầu giao 02 con chung cho vợ nuôi. Do đó đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp: ông Phạm Quốc T và bà Phạm Thị Bé N kết hôn vào năm 2010, hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông Tường và bà Nguyễn được công nhận là hợp pháp. Tại phiên tòa, ông Tường cương quyết ly hôn, bà Nguyễn cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Tường. Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Tường và bà Nguyễn.

[3] Về con chung: do ông Phạm Quốc T và bà Phạm Thị Bé N đã thống nhất tự nguyện thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc sau khi ly hôn, bà Nguyễn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Quốc Tiến, sinh ngày 26/5/2010 và Phạm Quốc Đạt, sinh ngày 03/01/2014.

[4] Về cấp dưỡng: tại phiên tòa, bà Phạm Thị Bé N yêu cầu ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung, với mức cấp dưỡng 655.000 đồng/01 con chung/tháng, ông Tường không đồng ý. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Đối chiếu quy định nêu trên đối với trường hợp của ông Tường cho thấy, việc bà Nguyễn yêu cầu ông Tường cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Về mức cấp dưỡng: Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng”. Theo lời trình bày của ông Tường thì mỗi tháng ông thu nhập trên 3.000.000 đồng, sau khi cân nhắc mức thu nhập và khả năng thực tế của ông Tường và nhu cầu thiết yếu của 02 con chung, Hội đồng xét xử buộc ông Tường có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Quốc Tiến, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Phạm Quốc Đạt, sinh ngày 03/01/2014 với mức cấp dưỡng 655.000 đồng/01 cháu/tháng, cấp định kỳ hàng tháng cho đến khi 02 cháu Tiến và Đạt đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào các khoản 5, 6 Điều

27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Quốc T về việc ông Tường thống nhất chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, buộc ông Phạm Quốc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền tổng cộng là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và 81, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Quốc T. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quốc T và bà Phạm Thị Bé N.

2. Về con chung: sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Bé N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Quốc Tiến, sinh ngày 26/5/2010 và Phạm Quốc Đạt, sinh ngày 03/01/2014. Ông Phạm Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Phạm Quốc Tiến, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Phạm Quốc Đạt, sinh ngày 03/01/2014, với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu, mỗi tháng là 655.000 (sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử (08/01/2018) cho đến khi 02 cháu Tiến và Đạt đủ 18 tuổi.

4. Về án phí: Ông Phạm Quốc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012557 ngày 31/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Như vậy ông Phạm Quốc T còn phải có trách nhiệm nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Thanh L – Trần Thị Hoàng D

Nguyễn Hữu B